

CÔNG TY TNHH YIC HÀ NAM

\*\*\*\*\*00\*\*\*\*\*

## ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án: “NHÀ MÁY MAY YIC HÀ NAM”

Địa điểm: KCN CHÂU SƠN, PHƯỜNG CHÂU SƠN,  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, TỈNH HÀ NAM

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC  
PARK JEONG SEOK

HÀ NAM , 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư  
Ngày tháng năm 2022)*

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

YOUNG INT'L CORP.; Địa chỉ trụ sở: 2,3 F., 63 Bangbae-ro 19 gil, Seocho-gu, Seoul (Seodong Bldg., Bangbae-dong), Hàn Quốc; Đăng ký kinh doanh số 220-88-17710, đăng ký ngày 16/5/2011, nơi cấp: Phòng thuế Banpo, Hàn Quốc; Điện thoại: 82-070-4667-4031

Người đại diện theo pháp luật: ông Sir Young Ha; Chức danh: Tổng giám đốc; Sinh ngày: 25/09/1962; Quốc tịch: Hàn Quốc; Hộ chiếu số: M28148619, ngày cấp: 12/03/2015, nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc; Địa chỉ thường trú: 605, Nestvill Apt, Sungne-dong, Gandong-gu, Seoul, Hàn Quốc.

Điện thoại: +84-834125613 Email: young@yic.rocks

**Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:**

**II. DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: **NHÀ MÁY MAY YIC HÀ NAM**

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Tên ngành	Mã ngành VSIC
1	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
2	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

Xây dựng nhà máy 100% vốn nước ngoài sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu tại Khu Công Nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với công suất khoảng 3 triệu đơn vị sản phẩm/năm cho năm sản xuất ổn định. Toàn bộ sản phẩm sẽ được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài. Dự án góp phần nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp, tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Hà Nam, tạo điều kiện công ăn việc làm ổn định cho một bộ phận lao động tại địa phương, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho thành phố Phủ Lý nói riêng cũng như các huyện lân cận nói chung. Dự án còn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công



nghiệp, đồng thời đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế, tăng thu ngân sách tỉnh Hà Nam.

### 3. Quy mô dự án:

3.1 Quy mô sản phẩm 3.000.000 sản phẩm/năm, gồm: Quần, áo Jacket: 1.000.000 sản phẩm/năm; Quần, áo Jacket ép dán: 500.000 sản phẩm/năm; Quần, áo dệt kim: 1.500.000 sản phẩm/năm.

#### 3.2 Diện tích đất sử dụng:

- Diện tích đất sử dụng: 10.181 m<sup>2</sup>

Công ty đã kí thỏa thuận chuyển nhượng tài sản trên đất và quyền thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng 10.181 m<sup>2</sup> từ Công ty TNHH ENEX Vina tại Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Dự kiến Công ty sẽ sử dụng khoảng 10.181 m<sup>2</sup> để xây dựng nhà máy phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích đất sử dụng	Quy mô xây dựng
1	Nhà xưởng sản xuất kết hợp văn phòng (xây 02 tầng)	m2	5.114	10.228
2	Đường giao thông + sân bãi	m2	2.172	2.172
3	Các hạng mục phụ trợ (nhà xe, trạm xử lý, bể nước, nhà bảo vệ...)	m2	859	859
4	Cây xanh	m2	2.036	2.036
<b>Tổng cộng</b>			10.181	

- Quy mô kiến trúc xây dựng:

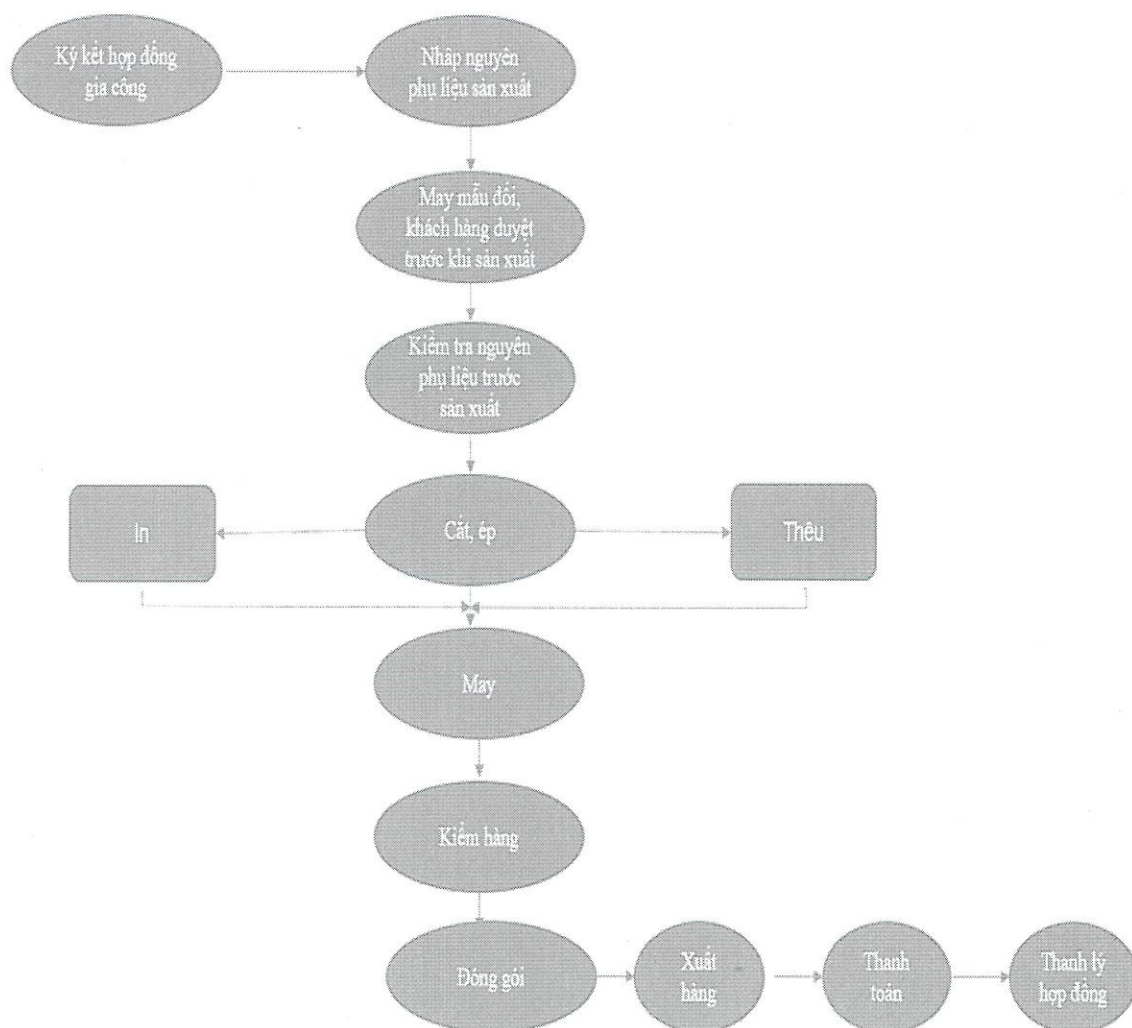
Dự kiến sẽ xây dựng nhà xưởng sẽ có cấu trúc khung sắt. Hệ thống quạt thông gió, hệ thống phòng cháy và bình dập lửa sẽ được lắp đặt ở khu vực sản xuất và khu vực nhà kho.

Các tiện ích kèm theo được xây bằng cấu trúc ximăng cốt thép. Tường ngoài làm bằng gạch, trát ximăng cát và được sơn phủ đẹp. Cửa sổ được làm bằng kính khung nhôm. Phong cách kiến trúc của nhà xưởng nhằm mục đích tạo ra một diện tích làm việc tiện lợi cho nhân viên của Công ty.

Các công việc thiết kế và xây dựng sẽ tuân theo các quy định về quản lý xây dựng do Bộ Xây dựng Việt Nam ban hành.

#### 3.3. Công nghệ sản xuất:

\* Quy trình sản xuất:



### 3.4 Máy móc thiết bị:

(i) Máy móc thiết bị sản xuất:

Công ty sẽ sử dụng các máy móc thiết bị chính phục vụ sản xuất sau:

TÊN MÁY MÓC THIẾT BỊ	THƯƠNG HIỆU	XUẤT XỨ	TÌNH TRẠNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TRỊ GIÁ (USD)
<b>I. DANH SÁCH MÁY MÓC PHÂN ĐOẠN MAY</b>						
MÁY MAY CÔNG NGHIỆP 1 KIM ĐIỆN TỬ, bể dầu kín	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	200	420	84.000
MÁY MAY CÔNG NGHIỆP 1 KIM XÉN ĐIỆN TỬ, NẮNG CHÂN VỊT TỰ ĐỘNG	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	24	680	16.320
MÁY MAY CÔNG NGHIỆP VÁT SỐ ĐIỆN TỬ 2 KIM 5 CHỈ (12mm)	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	30	745	22.350
MÁY MAY CÔNG NGHIỆP VÁT SỐ ĐIỆN TỬ 2 KIM 5 CHỈ (6mm)	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	24	745	17.880



4MÁY MAY CÔNG NGHIỆP VẶT SÓ ĐIỆN TỬ 2 KIM 4 CHỈ	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	30	720	21.600
4MÁY MAY CÔNG NGHIỆP VẶT SÓ ĐIỆN TỬ 1 KIM 3 CHỈ	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	30	720	21.600
MÁY MAY CÔNG NGHIỆP DI BỘ ĐIỆN TỬ	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	12	1.550	18.600
MÁY LẬP TRÌNH ĐIỆN TỬ (15cmx10cm)	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	3	3.900	11.700
MÁY MAY CÔNG NGHIỆP THÙA BẢNG ĐIỆN TỬ	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	5	2.550	12.750
MÁY MAY CÔNG NGHIỆP 23 KIM ĐIỆN TỬ	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	4	4.045	16.180
MÁY THÙA KHUY ĐẦU TRÒN ĐIỆN TỬ	HIKARI	TRUNG QUỐC	Mới 100%	3	4.900	14.700
MÁY MAY ZIG ZAG 1 CHẤM, 3 CHẤM	GOLDEN WHEEL	TRUNG QUỐC	Mới 100%	2	1.850	3.700
MÁY MAY ÓNG 2 KIM	SUNGWOO	HÀN QUỐC	Mới 100%	5	3.400	17.000
MÁY IN CẮT MẪU GIẤY		TRUNG QUỐC	Mới 100%	1	4.500	4.500
MÁY IN MẪU GIẤY CHO CẮT		TRUNG QUỐC	Mới 100%	1	1.300	1.300
MÁY DÁN SEAM	NAWON	HÀN QUỐC	Mới 100%	20	6.800	136.000
MÁY THỪ ÁP LỰC CHO HÀNG CHÔNG NƯỚC	NAWON	HÀN QUỐC	Mới 100%	1	1.600	1.600
MÁY DẬP CÚC 3 ĐẦU BẰNG HƠI	XINDING	TRUNG QUỐC	Mới 100%	12	420	5.040
II.DANH SÁCH CÁC MÁY PHÂN ĐOẠN CẮT						
BÀN CẮT 16800x1800x780cm		VIET NAM	Mới 100%	5	1.522	7.610
MÁY KIỂM VẢI CÔNG NGHIỆP TỰ ĐỘNG (83")	SALOON	TRUNG QUỐC	Mới 100%	2	5.150	10.300
MÁY CẮT ĐẦU BÀN LOẠI KHÔNG TỰ ĐỘNG	DAYANG	TRUNG QUỐC	Mới 100%	4	320	1.280
MÁY CẮT VẢI	KM	NHẬT BẢN	Mới 100%	5	890	4.450
MÁY CẮT VẢI	KM	NHẬT BẢN	Mới 100%	3	890	2.670
MÁY CẮT VÒNG CÓ THỜI KHÍ	KM	NHẬT BẢN	Mới 100%	2	4.150	8.300
MÁY CẮT BẰNG NHÁM	CUTEX	HÀN QUỐC	Mới 100%	1	1.650	1.650
MÁY ÉP KEO	HASHIMA	VIET NAM	Mới 100%	1	8.900	8.900
MÁY CẮT LAZE	MAIKA	TRUNG QUỐC	Mới 100%	5	7.400	37.000
MÁY ÉP KEO MINI	HASHIMA	VIET NAM	Mới 100%	5	2.250	11.250

MÁY ĐẾM			Mới 100%	10	50	500
MÁY KHOAN LỖ			Mới 100%	1	1.000	1.000
HỆ THỐNG CẮT, TRÁI VẢI TỰ ĐỘNG	TIMING	TRUNG QUỐC	Mới 100%	1	200.000	200.000
<b>III. DANH SÁCH MÁY MÓC PHÂN ĐOẠN HOÀN THIỆN SẢN PHẨM</b>						
MÁY ĐÓNG ĐAI TỰ ĐỘNG	KZB	TRUNG QUỐC	Mới 100%	1	900	900
MÁY DÒ KIM	HASHIMA	NHẬT BẢN	Mới 100%	1	10.200	10.200
MÁY TẤY BẢN	HANIL	VIỆT NAM	Mới 100%	1	550	550
SÚNG THỔI HƠI NÓNG			Mới 100%	2	45	90
MÁY NÉN KHÍ	FUSHENG	TRUNG QUỐC	Mới 100%	1	20.000	20.000
MÁY ĐÁNH CHỈ	CUTEX	HÀN QUỐC	Mới 100%	1	550	550
MÁT ĐỘT CÚC MỘT ĐẦU BẰNG HƠI	XINDING	TRUNG QUỐC	Mới 100%	1	280	280
MÁY ĐỘT CÚC HAI ĐẦU			Mới 100%	2	350	700
BÀN KIỂM HÀNG CHO QC (3000X1500X720/800X1850 NGHIÊNG)		VIỆT NAM	Mới 100%	12	590	7.080
BÀN LÀ			Mới 100%	50	300	15.000
BÀN HÚT CHÂN KHÔNG CÓ GÓI (1200X550X750)	HANIL	VIỆT NAM	Mới 100%	24	470	11.280
CÁC MÁY MÓC KHÁC			Mới 100%	1	10.000	10.000
<b>IV. DANH SÁCH THIẾT BỊ TRONG KHO</b>						
MÁY CẮT NHÁM TỰ ĐỘNG	CUTEX	HÀN QUỐC	Mới 100%	1	1.650	1.650
MÁY CẮT NHẪN			Mới 100%	1	78	78
MÁY DÁN NHẪN	EVERY DENNISON	TRUNG QUỐC	Mới 100%	1	1.650	1.650
XE ĐẨY NGUYÊN LIỆU, XE ĐỰNG HÀNG	TAEGWANG	VIỆT NAM	Mới 100%	20	80	1.600
<b>V. DANH SÁCH CÔNG CỤ TRONG PHÒNG MÁY MÓC</b>						
MÁY MÀI 2 ĐÁ	TIẾN ĐẠT	VIỆT NAM	Mới 100%	1	155	155
MÁY KHOAN ĐỨNG	TIẾN ĐẠT	VIỆT NAM	Mới 100%	1	350	350
BÀN KỆP ETO	ASAKI 8"	TRUNG QUỐC	Mới 100%	1	85	85
BÀN KỆP LAPPER			Mới 100%	1	100	100
PHỤ TÙNG THAY THẾ CƠ BẢN			Mới 100%	20	50	1.000
<b>TỔNG</b>						<b>805.028</b>



Chi tiết Danh mục máy móc thiết bị chi tiết, vui lòng xem Phụ lục 1 đính kèm bản Đề xuất này.

Các máy móc, thiết bị sản xuất mà Công ty sử dụng là các máy móc, thiết bị còn nguyên tem (mới 100%) sẽ được nhập khẩu từ Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và một phần mua ở Việt Nam để phục vụ hoạt động của Dự án.

(ii) Máy móc thiết bị văn phòng:

TT	Hạng mục	Khối Lượng	Đơn vị	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)
1	Máy tính để bàn & xách tay	50	Bộ	1.000	50.000
2	Thiết bị viễn thông	20	Bộ	50	1.000
3	Máy in, photo và quét ảnh	5	Chiếc	2.000	10.000
4	Nội thất văn phòng (bàn, ghế)	200	Chiếc	50	10.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>71.000</b>

(ii) Phương tiện vận tải:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Đơn giá (USD)	Số lượng	Giá trị (USD)
1	Xe hơi	Chiếc	40.000	1	40.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>40.000</b>

### 3.5 Nhu cầu sản xuất:

(i) Nhu cầu về nguyên vật liệu sản xuất:

TT	TÊN NGUYÊN PHỤ LIỆU	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
1	BĂNG DÍNH	Mét	67.025,20
2	BĂNG NHÁM	Bộ	28.797,00
3	BĂNG NHÁM	Mét	200,00
4	BĂNG NHÁM	Cái/Chiếc	16.564,00
5	BO	Cái/Chiếc	23.433,00
6	BO	Yard	6.068,76
7	BỘ CHÓT CÀI	Bộ	171.767,00
8	BỘ ĐIỀU CHỈNH DÂY LUÒN	Bộ	1.800,00
9	BÔNG	Mét vuông	21.560,99
10	CHỈ	Mét	1.055.391.000,00
11	CHIẾC CHÓT CÀI	Cái/Chiếc	675.790,00
12	CHÓT CHẶN	Cái/Chiếc	582.112,00

13	CHUN	Yard	1.669.298,70
14	CHUN	Cái/Chiếc	3.234,00
15	CHỤP ĐẦU KHÓA	Cái/Chiếc	4.500,00
16	CỔ ÁO BẰNG DA LÔNG	Cái/Chiếc	350,00
17	CÚC DẬP	Bộ	936.786,00
18	CÚC NHỰA	Cái/Chiếc	1.289.246,00
19	DÂY DỆT CÁC LOẠI	Cái/Chiếc	381.812,00
20	DÂY DỆT CÁC LOẠI	Mét	286.717,40
21	DÂY DỆT CÁC LOẠI	Yard	505.445,00
22	DÂY KÉO KHÓA	Cái/Chiếc	635.539,00
23	DÂY TREO THẺ	Cái/Chiếc	1.160.180,00
24	ĐỆM NHỰA	Cái/Chiếc	12.000,00
25	ĐINH RIVET	Bộ	2.560,00
26	GIẤY CHỐNG ẨM	Cái/Chiếc	259.469,00
27	KHÓA	Cái/Chiếc	3.186.910,00
28	LÔNG VŨ	Kilogam	379,00
29	MECH	Yard	66.062,33
30	MECH(M2)	Mét vuông	242.410,21
31	MIẾNG ĐỆM	Cái/Chiếc	6.448,00
32	NHẪN ÉP NHIỆT	Cái/Chiếc	3.143.334,00
33	NHẪN GIẤY	Cái/Chiếc	4.074.979,00
34	NHẪN VẢI	Cái/Chiếc	2.367.680,00
35	OZE	Bộ	385.237,00
36	PHIM	Mét	1.515.157,00
37	PHIM(M2)	Mét vuông	8.918,20
38	POLYBAG	Cái/Chiếc	2.112.402,00
39	TÚI ĐỆM	Cái/Chiếc	3.192,00
40	VẢI	Mét vuông	3.793.884,01

Hiện nay, một số nguyên vật liệu để sản xuất chưa có sẵn trên thị trường Việt Nam do đó công ty sẽ phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Đối với các nguyên vật liệu đã sản xuất được trong nước mà đáp ứng tiêu chuẩn của doanh nghiệp, Công ty sẽ mua trong nước để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Việc này sẽ góp phần giúp sản



xuất trong nước phát triển, giảm chi phí nguyên liệu đầu vào, hạ giá thành, nâng cao tỷ lệ nội địa hoá và khả năng cạnh tranh của sản phẩm Công ty.

(ii) Nhu cầu về điện: Nhu cầu về điện trong năm hoạt động ổn định là: 2.000.000 kWh/năm

(iii) Nhu cầu về nước: Nhu cầu về nước trong năm hoạt động ổn định là: 10.000 m<sup>3</sup>/năm

(iv) Nhu cầu về khí: Nhu cầu về khí trong năm hoạt động ổn định là 200 tấn/năm

(v) Dịch vụ khác: Dựa trên cơ sở các nhu cầu thực tế về các dịch vụ khác phục vụ hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty chưa được nêu ở đây, Chi nhánh Công ty sẽ ký hợp đồng với các nhà cung ứng dịch vụ.

#### **4. Vốn đầu tư của dự án**

4.1. Tổng vốn đầu tư: 161.000.000.000 VNĐ (*Một trăm sáu mươi một tỷ đồng Việt Nam*), tương đương 7.000.000 USD (*Bảy triệu đô la Mỹ*) theo tỉ giá: 1 USD = 23.000 VNĐ.

- Vốn cố định: **5.346.000 USD** (*Năm triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn Đô la Mỹ*), cụ thể:

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Giá trị</b>
1	Vốn cố định	5.346.000
	- Chi phí thuê hạ tầng	694.344
	- Chi phí xây dựng	3.297.000
	- Máy móc, thiết bị	1.251.028
	- Chi phí cố định ban đầu khác	103.628

- Vốn lưu động **1.654.000 USD** (*Một triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn Đô la Mỹ*).

4.2. Nguồn vốn:

- Vốn góp: 48.300.000.000 VNĐ (*Bốn mươi tám tỷ ba trăm triệu đồng Việt Nam*), tương đương 2.100.000 USD (*Hai triệu một trăm nghìn đô la Mỹ*).

- Vốn vay: 112.700.000.000 VNĐ (*Một trăm mười hai tỷ bảy trăm triệu đồng Việt Nam*), tương đương 4.900.000 USD (*Bốn triệu chín trăm nghìn đô la Mỹ*).

Nhà đầu tư sẽ chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay cho dự án từ: (i) các ngân hàng quốc tế; và/hoặc (ii) các tổ chức tài chính khác; và/hoặc (iii) Công ty mẹ.

- Vốn khác: Không

**5. Thời hạn hoạt động của dự án:** Đến ngày 18/07/2056

#### **6. Tiến độ thực hiện dự án**

\* Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận

đăng kí đầu tư.

- Tiến độ huy động vốn vay: trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng kí đầu tư.

\* Tiến độ xây dựng và đưa dự án đi vào hoạt động: Trong vòng 12 tháng tính từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng kí đầu tư, cụ thể như sau:

(a) Hoàn thành các thủ tục hành chính liên quan đến việc xây dựng nhà máy: từ tháng 3/2022 đến tháng 4/2022.

(b) Xây dựng nhà xưởng và công trình phụ trợ: từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022

(c) Mua sắm, nhập khẩu và lắp đặt máy móc, trang thiết bị: từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022.

(d) Tuyển dụng và đào tạo nhân viên: từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2023

(e) Chạy thử: từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023

(f) Vận hành chính thức sản xuất: từ tháng 03 năm 2023

#### **7. Nhu cầu về lao động:**

7.1 Số lượng lao động dự kiến sử dụng: 700 người

- Lao động người Việt Nam: 696 người

- Lao động người nước ngoài: 4 người

7.2 Kế hoạch lao động cụ thể cho năm hoạt động ổn định:

<b>TT</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Quốc tịch</b>	<b>Số lượng (Năm ổn định)</b>
1	Giám đốc nhà máy	Hàn Quốc	1
2	Quản lý kỹ thuật và giám sát	Hàn Quốc	3
3	Quản lý kỹ thuật và giám sát	Việt Nam	50
4	Công nhân lành nghề	Việt Nam	430
5	Công nhân chưa có tay nghề	Việt Nam	186
6	Nhân viên văn phòng	Việt Nam	30
<b>Tổng cộng</b>			<b>700</b>

#### **8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án**

Dự án đi vào hoạt động sẽ đóng góp đáng kể vào công cuộc phát triển của đất nước Việt Nam nói chung và tỉnh Hà Nam nói riêng ở các lĩnh vực sau:

• Đóng góp cho ngân sách địa phương thông qua việc đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài,... và các loại phí và lệ phí.

• Tạo công ăn việc làm cho lao động tại địa phương.



• Góp phần nâng cao chất lượng ngành công nghiệp sản xuất của Việt Nam thông qua chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm của nhà đầu tư.

a, Cơ sở, phương pháp tính

- Dự án hoạt động sản xuất khoảng 300 ngày/năm
- Sản lượng khi hoạt động ổn định: 3.000.000 sản phẩm/năm.
- Sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng; Mức khấu hao bình quân tài sản cố định: 10% năm
- Mức lãi suất chiết khấu là 5% năm
- Thuế suất thuế GTGT 10%
- Thuế TNDN được tính đều theo mức 20% (sau thời gian miễn giảm theo ưu đãi đầu tư)

b, Kết quả tính toán: Chi tiết xem các phụ lục đính kèm.

Đơn vị: USD

TT	Chỉ tiêu/ Năm SXKD	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029
1	Sản lượng	1.500.000	2.500.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
2	Tổng doanh thu (chưa có VAT)	7.500.000	12.500.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
3	Tổng chi phí (chưa có VAT)	7.680.968	12.131.789	14.582.336	14.582.336	14.532.336	14.482.336	14.432.336
	Chi phí tiền lương + CF khác liên quan đến lương	2.251.368	3.602.189	4.502.736	4.502.736	4.502.736	4.502.736	4.502.736
	Chi phí nguyên liệu chính	4.050.000	6.750.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
	Chi phí khấu hao (10%)	534.600	534.600	534.600	534.600	534.600	534.600	534.600
	Chi phí NVL phụ + nhiên liệu + chi phí quản lý và chi phí khác	600.000	1.000.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
	Chi phí lãi vay	245.000	245.000	245.000	245.000	195.000	145.000	95.000
3	Lợi nhuận gộp	-180.968	368.211	417.664	417.664	467.664	517.664	567.664
4	Thuế TNDN (20%)	0	0	0	41.766	46.766	51.766	56.766
5	Lợi nhuận thuần	-180.968	368.211	417.664	375.898	420.898	465.898	510.898
6	Thuế TNCN (0,5% quỹ lương)	11.257	18.011	22.514	22.514	22.514	22.514	22.514
7	Thuế VAT phải nộp	-48.750	-5.000	47.500	52.500	52.500	52.500	52.500
	- VAT đầu vào	348.750	581.250	697.500	697.500	697.500	697.500	697.500
	- VAT đầu ra	300.000	625.000	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000
8	Nộp ngân sách	11.257	18.011	70.014	116.780	121.780	126.780	131.780

Dự án đầu tư Nhà máy may YIC Hà Nam có nhiều tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội. Đóng góp vào sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân nói chung và của khu vực nói riêng. Nhà nước và địa phương có nguồn thu



ngân sách từ Thuế GTGT, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu. Tạo ra công ăn việc làm cho người lao động và thu nhập cho chủ đầu tư. Cụ thể:

- Tổng số lao động: 700 người.
- Đóng góp ngân sách: 131.000 USD/năm tương đương khoảng 3,0 tỷ đồng/năm
- Thời gian hoàn vốn giản đơn (*không tính thời gian đầu tư ban đầu*): 08 năm 06 tháng
- Thời gian hoàn vốn (tính cả thời gian đầu tư ban đầu) là: 09 năm 06 tháng

## **9. Đánh giá sơ bộ tác động của dự án tới môi trường:**

### **9.1. Các yếu tố gây tác hại đến môi trường:**

Khi dự án được hoạt động sẽ tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; tăng nguồn đóng góp cho ngân sách địa phương cũng như trung ương; tạo công ăn việc làm cho một số lượng lớn lao động tại địa phương, sự phát triển của các hoạt động sản xuất công nghiệp sẽ làm nâng cao trình độ dân trí và chất lượng cuộc sống cho người dân khu vực. Mặt khác, khi dự án đi vào hoạt động sẽ có một lượng lớn công nhân từ các nơi khác tập trung tại đây, sự khác biệt về văn hóa có thể ảnh hưởng đến người dân xung quanh, ngoài ra còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh khu vực.

Triển khai xây dựng và hoạt động của dự án sẽ gây ra một số tác động đến môi trường tự nhiên như tác động đến môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất.

\* Trong giai đoạn hoạt động của dự án:

Sẽ phát sinh các chất gây ô nhiễm đến môi trường không khí, môi trường nước. Nguồn phát sinh như sau:

- Chất thải rắn gồm các vật liệu thừa, các bao bì đựng, dây đai buộc hàng nhập về, dây đai đóng gói sản phẩm
- Từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng như giấy phế thải, các loại phế thải từ văn phòng như thùng carton, nilon bao gói, giấy gói, đinh gim, lõi băng keo.
- Nước thải: Dự án không phát sinh nước thải sản xuất mà chỉ phát sinh lượng nhỏ nước thải sinh hoạt trong quá trình vệ sinh, ăn uống của cán bộ, công nhân viên nhà máy. Doanh nghiệp sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý đạt tiêu chuẩn loại B trước khi chuyển vào hệ thống thu gom xử lý nước thải chung của KCN để xử lý ra loại A theo đúng quy định.
- Tác động đến môi trường không khí: Bụi phát sinh trong các công đoạn xử lý và chuẩn bị nguyên liệu là vận chuyển, bốc dỡ, khử bỏ tạp chất trong nguyên liệu và phối trộn nguyên liệu..., tiếng ồn từ hoạt động của máy móc, thiết bị. Ngoài ra, đèn phòng trong trường hợp mất điện, chủ đầu tư trang bị máy phát điện dự phòng sử



dụng nhiên liệu là dầu DO cũng thải ra môi trường một lượng khí thải: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>...

## **9.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường:**

\* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

- Giai đoạn thi công xây dựng dự án:

Để hạn chế bụi tại khu vực công trường, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Lập kế hoạch thi công và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn thi công: Phát quang mặt bằng, vận chuyển thực bì, san ủi, đào đất, đào móng. Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa.

+ Che chắn vật liệu xây dựng trong quá trình vận chuyển; Hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm; Che chắn khu vực thi công để cô lập với xung quanh bằng tường Panel cao tối thiểu 3m nhằm hạn chế ồn và bụi khi thi công xây dựng. Khi dự án được xây dựng lên cao trên 5m sẽ tiến hành dựng lưới đỡ nhằm ngăn chặn vật liệu xây dựng rơi rớt gây ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư xung quanh dự án.

+ Tưới nước đường vận chuyển trên công trường trong mùa khô để giảm lượng bụi trong không khí, nhất là trong điều kiện thi công có nắng nóng kéo dài nhằm hạn chế bụi, đất cát theo gió phát tán vào không khí.

+ Việc vận chuyển xà bần từ cao xuống phải chuyển dần bằng các hộp gen và thùng chứa. Thùng chứa phải có nắp đậy bằng vải nylon hoặc bằng vải bạt tránh bụi bốc lên cao khi đổ xuống hoặc do gió cuốn lên cao.

+ Xà bần sẽ được vận chuyển trong ngày, tránh ùn tắc và tồn đọng trên công trường nhằm hạn chế bị nước mưa cuốn vào các cống rãnh gây tắc nghẽn dòng chảy.

+ Lập trạm rửa xe trước khi ra khỏi công trường.

- Trong giai đoạn hoạt động của dự án:

Tại những công đoạn phát sinh ô nhiễm bụi cần thu hồi bụi bằng các chụp hút sau đó dẫn về các thiết bị lọc bụi ống tay áo, thiết bị lọc bụi túi, lọc bụi tĩnh điện.

Các vấn đề môi trường cần xem xét về hệ thống nhà xưởng như:

- Xác định kích thước vùng cách ly vệ sinh công nghiệp giữa các hạng mục công trình của nhà máy và các khu dân cư để đảm bảo sự thông thoáng giữa các công trình, hạn chế lan truyền ô nhiễm, đảm bảo phòng cháy, chữa cháy và giảm thiểu những ảnh hưởng trực tiếp do chất thải đối với con người và các công trình xung quanh.

- Bố trí hợp lý các công đoạn sản xuất, các khu phụ trợ, kho bãi, khu hành chính và có dải cây xanh ngăn cách. Tỷ lệ cây xanh trên tổng diện tích đất sử dụng của nhà



máy tối thiểu phải đạt 20%. Các hệ thống thải khí, ống khói cần bố trí ở các khu vực thuận lợi cho việc giám sát và xử lý.

- Khu vực bố trí trạm điện, khu xử lý nước thải sinh hoạt, xử lý rác thải cần được đặt ở phía cuối hướng gió chủ đạo của khu vực.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sản xuất sạch, ít chất thải.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành thiết bị công nghệ, định lượng chính xác nguyên vật liệu, nhiên liệu để quá trình diễn ra ở mức độ ổn định cao, giảm bớt lượng chất thải, ổn định thành phần và tính chất của chất thải, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và xử lý chất thải.

- \* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

- Giai đoạn thi công xây dựng dự án:

Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp để kiểm soát nước thải do quá trình sinh hoạt của công nhân tại công trường, bao gồm:

- + Tận dụng nguồn nhân lực tại địa phương để hạn chế việc công nhân sẽ lưu trú vào ban đêm tại công trường trong thời gian thi công;

- + Trang bị các nhà vệ sinh lưu động tạm thời cho công nhân xây dựng, tránh trường hợp nước thải sinh hoạt bị cuốn theo nước mưa gây ô nhiễm môi trường nước mặt;

- + Chất thải trong nhà vệ sinh lưu động sẽ được dịch vụ cho thuê nhà vệ sinh mang đi đổ thải đúng quy định. Khi giai đoạn thi công kết thúc, nhà vệ sinh lưu động sẽ được trả lại dịch vụ cho thuê;

Mặt khác do dự án thi công theo phương thức cuốn chiếu nên lượng nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt là tương đối nhỏ. Khi dự án đã thi công xong phần nhà vệ sinh thì nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được dẫn vào bể tự hoại của khu nhà vệ sinh của dự án

- Giai đoạn hoạt động của dự án:

Nước thải sinh hoạt: Hệ thống cống thoát nước thải sinh hoạt được thiết kế xây dựng riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt từ hoạt động của nhà máy sẽ được xử lý đạt mức quy định trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa chảy tràn: Hệ thống cống được bố trí dọc theo hai bên của công ty, trên các đoạn cống bố trí các hố ga có miệng thu để thu nước mưa từ các tuyến đường vào. Nguồn nước được tập trung đổ về các hố ga, theo các tuyến ống góp nhánh và tập trung chảy về tuyến ống chính, rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Khoảng cách giữa các hố ga thay đổi từ 20 - 40 m tùy vị trí và kích thước của cống. Độ dốc cống đảm bảo khả năng tự làm sạch  $i > 1/D$ , độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,7 m.



Nước mưa thuộc loại khá sạch, do đó chỉ áp dụng biện pháp thu gom và cho lắng cặn đối với nước mưa chảy tràn đã đáp ứng đủ yêu cầu trước khi thải vào hệ thống thu gom nước mưa chung.

Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét để loại bỏ những rác rưởi, cặn lắng. Bùn thải được thu gom chôn lấp đúng nơi quy định

**\* Chất thải rắn**

- Giai đoạn thi công xây dựng dự án:

Các loại chất thải trong quá trình xây dựng sẽ được tập trung tại bãi chứa quy định. Các loại chất thải rắn đất, cát, đá được thu gom liên tục trong quá trình xây dựng và tận dụng để san lấp mặt bằng. Phần còn lại như chất thải rắn sinh hoạt, chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý.

- Giai đoạn hoạt động của dự án:

Trong giai đoạn hoạt động, chất thải rắn phát sinh bao gồm:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Sử dụng các thùng chứa rác 660l, trên mỗi thùng có hướng dẫn các loại rác được bỏ vào (*bao gồm có 2 loại: thùng rác hữu cơ và thùng rác vô cơ*), chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vào cuối ngày.

+ Chất thải rắn sản xuất: Toàn bộ lượng chất thải rắn sẽ thu gom và lưu trữ tại kho chứa phế liệu, lượng chất thải rắn có khả năng tái chế, sẽ bán lại cho đơn vị thu mua phế liệu, phần còn lại sẽ được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ vào đúng nơi quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang xử lý, tiêu hủy theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

**9.3. Phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường:**

**\* Phòng chống cháy nổ:**

Tham gia và hợp tác các buổi tuyên truyền về PCCC của địa phương tổ chức;

Nội quy PCCC được phát và yêu cầu niêm yết tại mỗi khu;

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị, giám sát các thông số kỹ thuật;

Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt. Các phương tiện chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng;

Kiểm tra dây điện tránh tình trạng quá tải trên đường dây;

Nhân viên vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố.

Kiểm tra hệ thống chống sét, rò rỉ;



Bố trí các hạng mục công trình trong khuôn viên phù hợp với yêu cầu PCCC sao cho xe cứu hỏa có thể đến được gần tất cả các vị trí khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Lắp đặt và sử dụng các hệ thống tiếp đất cho thiết bị dung điện;

Cán bộ, công nhân trong nhà máy phải nghiêm túc thực hiện tốt nội quy và kỷ luật lao động.

\* Vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động:

Nhà máy thực hiện tất cả các biện pháp vệ sinh và an toàn lao động, các quy định, tiêu chuẩn, yêu cầu liên quan của Bộ luật Lao động. Các biện pháp nhằm giảm thiểu các tác nhân ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân được áp dụng:

Trang bị quần áo và thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, tạo điều kiện cho người lao động làm việc thoải mái, dễ chịu, Thường xuyên phổ biến cho công nhân các kiến thức về an toàn lao động khi vận hành máy móc và thiết bị;

Khi xảy ra sự cố ngộ độc hóa chất dung môi và ngộ độc thực phẩm cần nhanh chóng chuyển người bị nạn ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, chuyển đến nơi an toàn và thông thoáng và đưa người bị nạn đến bệnh viện.

Trang bị tủ thuốc y tế để sơ cứu người bị nạn, Hướng dẫn công tác sơ cứu và cấp cứu cho công nhân;

Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm an toàn lao động, nhắc nhở công tác an toàn lao động cho công nhân bằng các bảng nội quy đặt tại các vị trí dễ nhìn trong khu vực sản xuất của Nhà máy;

Trang bị các biển báo tại các khu vực nguy hiểm, Đảm bảo chiếu sáng cho những khu vực làm việc, Tổ chức các chương trình kiểm tra và giám định sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên;

Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt Tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động;

Thành lập phòng môi trường chuyên trách về vệ sinh, môi trường và an toàn lao động. Các nhân viên môi trường này có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn cho cán bộ, công nhân thực hiện các biện pháp vệ sinh và an toàn lao động;

Giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về bảo vệ môi trường và ý thức kỷ luật lao động.

Ngoài ra, nhà đầu tư sẽ tiến hành mọi biện pháp bảo vệ môi trường cần thiết theo yêu cầu của các khách hàng, tiêu chuẩn của Khu công nghiệp và của các cơ quan môi trường tại Việt Nam. Đồng thời, nhà đầu tư sẽ bố trí diện tích đất trồng cây xanh theo quy định, có kế hoạch tổ chức thực hiện về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, thực hiện quy định về an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước.

Nhà đầu tư sẽ tiến hành hoàn thiện các thủ tục hành chính về môi trường cho Dự án ngay sau khi được cấp phép đầu tư, trước khi triển khai dự án.



Chúng tôi cũng hiểu rằng, hiện nay bảo vệ môi trường là ưu tiên hàng đầu tại Việt Nam, vì vậy Chúng tôi cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các hoạt động sau để bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ nghiêm ngặt luật và quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam;
- Sử dụng các biện pháp kỹ thuật hiệu quả trong quy trình sản xuất để đạt được mục đích cắt giảm chất thải phát sinh từ hoạt động công nghiệp;
- Nỗ lực cải thiện các biện pháp bảo vệ môi trường;
- Tổ chức các khóa đào tạo về bảo vệ môi trường cho toàn bộ nhân viên;
- Tiết kiệm năng lượng và nguồn lực, giảm số lượng chất ô nhiễm và tác động môi trường;
- Hợp tác với cộng đồng, chính quyền địa phương và các công ty trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; cung cấp bất kỳ thông tin cần thiết nào liên quan đến môi trường khi các cơ quan chức năng yêu cầu.

### III. Đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

#### 1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thời hạn miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

#### 2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế nhập khẩu với hàng hoá nhập khẩu tài sản cố định theo các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành.

3. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có): .....

4. Ưu đãi đặc biệt (nếu có): .....

5. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có): .....

Hà Nam, ngày 01 tháng 01 năm 2022

**CÔNG TY TNHH YIC HÀ NAM**



**GIÁM ĐỐC  
PARK JEONG SEOK**